

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 179/2022/DS-PT

Ngày: 01/8/2022

*“V/v tranh chấp
hợp đồng góp hui”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Vân**.

Các Thẩm phán: - Bà **Đỗ Thị Minh Nguyệt**;

- Ông **Võ Ngọc Giàu**;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Dương Thị Hà Vy**, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**
Ông **Võ Trung Hiếu** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp *“Hợp đồng góp hui”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 64/2022/DS-ST ngày 08/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2022/QĐXX-PT ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngô Thị Tường N**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: **Đỗ Thị Thu N**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: khu phố 4, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Võ Văn T1**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: khu phố 4, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: **Võ Văn T1**, sinh năm 1953.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo án sơ thẩm;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị **Đỗ Thị Thu N** trình bày: Chị N có tham gia chơi hui do bà Nguyễn Thị T là chủ hui. Tổng cộng 05 dây 05 phần. Hiện nay bà T đã tuyên bố bế hui. Tổng số tiền mà chị N đóng hui sống cho bà T tổng cộng là 209.645.000 đồng. Bà T có viết giấy xác nhận và cam kết trả

số tiền này làm 09 đợt, đợt đầu là vào ngày 30/11/2021 sẽ trả cho chị N 50.000.000 đồng nhưng đến nay bà T chưa trả cho chị N như cam kết. Ông Võ Văn T1 và bà T là vợ chồng sống chung nhà, ông T1 biết việc bà T chơi hụi do bà T dùng số tiền hoa hồng vào việc chăm lo và phát triển kinh tế gia đình nên ông T1 phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà T. Nay yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn T1 liên đới trả số tiền là 209.645.000 đồng, yêu cầu tính lãi kể từ ngày 30/11/2021 đến khi xét xử, với mức lãi suất 0,83%/tháng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:* Bà có làm chủ thảo hụi với chị Ngô Thị Tường N như chị N trình bày là đúng sự thật, hiện nay bà còn nợ chị N số tiền là 209.645.000 đồng. Nay chị N yêu cầu tôi cùng ông T1 liên đới trả nợ gốc và lãi thì tôi xin trả dần mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi trả hết 209.645.000 đồng.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T1:* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T1 đã được tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T1 không đến và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2022/DS-ST ngày 08/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biểu, phùng. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Tường N.

- Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Ngô Thị Tường N số tiền là 215.155.169 đồng (trong đó gốc là 209.645.000 đồng và lãi là 5.510.169 đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Ngô Thị Tường N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn T1 không trả số tiền trên thì hàng tháng bà T và ông T1 phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 18 tháng 4 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xem xét lại toàn bộ các tài liệu, chứng cứ và tài liệu khởi kiện. Tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông T1 phải liên đới trả tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn chị Ngô Thị Tường N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn T1 liên đới trả số tiền là 209.645.000 đồng, yêu cầu tính lãi kể từ ngày 30/11/2021 đến khi xét xử, với mức lãi suất 0,83%/tháng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Người kháng cáo ông Võ Văn T1 thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng cho ông và bà Nguyễn Thị T trả dần mỗi tháng 4.000.000 đ cho đến khi hết nợ, và xin không trả lãi.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, tại phiên tòa phía bị đơn không có cung cấp thêm chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Ngô Thị Tường N khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn T1 liên đới trả số tiền hui còn nợ là 209.645.000 đồng. Giấy nợ ngày 31/10/2021 cũng thể hiện là nợ hui nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “hợp đồng góp hui” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn chị Ngô Thị Tường N với bị đơn bà Nguyễn Thị T là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 Bộ luật TTDS.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Võ Văn T1 là đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[3.1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn T1 HĐXX nhận thấy:

- Tại phiên tòa bị đơn bà T và ông T1 tiếp tục thừa nhận có ký nhận còn nợ tiền hui chị Ngô Thị Tường N 209.645.000 đồng đến nay chưa trả. Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế gia đình quá khó khăn nên xin tòa cho trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét yêu cầu của ông T1 không được phía nguyên đơn chấp nhận, và cũng không có căn cứ pháp luật nên bác yêu cầu kháng cáo của ông T1.

- Bà T làm chủ hui dùng tiền hoa hồng thu được từ hui sử dụng vào sinh hoạt chung của gia đình ông T1 biết rõ. Tại cấp sơ thẩm bà T cũng thừa nhận và đồng ý cùng ông T1 trả số nợ 209.645.000 đồng cho chị N nhưng xin trả dần mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Án sơ thẩm xét xử là phù hợp pháp luật cần giữ nguyên.

[4] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: bà T, ông T1 là đối tượng được miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm do là người cao tuổi theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về hộ, hui, biên, phường. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Võ Văn T1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 64/2022/DS-ST ngày 08/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Tường N.
- Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Ngô Thị Tường N số tiền là 215.155.169 đồng (hai trăm mười lăm triệu một trăm năm mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi chín đồng. Trong đó gốc là 209.645.000 đồng và lãi là 5.510.169 đồng. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Ngô Thị Tường N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn T1 không trả số tiền trên thì hàng tháng bà T và ông T1 phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

*** Về án phí:**

- Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn T1 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.
- Hoàn lại cho chị Ngô Thị Tường N số tiền là 5.245.000 đồng (năm triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005834 ngày 03/12/2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Vân